

Số: 112/QĐ-CĐDLSG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 05 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp
và xét công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-CĐNDLSG ngày 28/06/2010 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-BLĐTBXH ngày 07/01/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn thành Trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ vào điều kiện đào tạo thực tế của trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn”.

Điều 2. Các phòng, khoa và các bộ phận trực thuộc trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này được áp dụng và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (theo dõi);
- P.ĐT, Khoa (thực hiện);
- P.ĐT, P.HCNS (lưu).



Ngô Thị Quỳnh Xuân

QUY CHẾ

Kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 112/2022/QĐ-CĐDLSG
ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn)

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp và cao đẳng đối với học sinh, sinh viên (HSSV) của trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn (CĐ DLSG).

2. Quy chế này áp dụng cho tất cả các lớp đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng tại trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn.

Điều 2. Thi, kiểm tra

1. Kiểm tra trong quá trình học tập, gồm:

- a). Kiểm tra thường xuyên (KT_{TX});
- b). Kiểm tra định kỳ (KT_{ĐK});
- c). Thi kết thúc môn học, môn đun (Đ_{KT}).
- d). Điểm tổng kết môn học, môn đun (Đ_{TKM}).

2. Thi tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp, cao đẳng:

- Thi môn lý thuyết chuyên môn;
- Thi môn thực hành.

hoặc được tổ chức theo hình thức bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên có kết quả học tập đạt loại khá, giỏi trở lên. Tùy theo điều kiện của từng ngành nghề được các Khoa chuyên môn lập kế hoạch, đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt.

Điều 3. Đánh giá và lưu kết quả kiểm tra, thi

1. Đánh giá kết quả kiểm tra, thi được thực hiện theo quy định sau:

- a). Kết quả kiểm tra, thi được đánh giá theo phương pháp tính điểm và dùng thang điểm 10 (từ 0 đến 10);
- b). Điểm đánh giá bài thi, kiểm tra được tính tròn đến một chữ số thập phân;

2. Kết quả kiểm tra, thi của HSSV được lưu trong bảng điểm tổng hợp kết quả học tập của từng cá nhân.

Chương 2
THI, KIỂM TRA VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
Mục 1
KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN VÀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Điều 4. Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ

1. Kiểm tra thường xuyên (KT_{TX}): Kiểm tra thường xuyên do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô-đun bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút; kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

2. Kiểm tra định kỳ (KTĐK): Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

3. Cách thức thực hiện kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ:

a). Kiểm tra đánh giá quá trình học do giảng viên giảng dạy thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến phải đáp ứng theo những yêu cầu sau:

- Nội dung kiểm tra là những nội dung đã được giảng dạy cho HSSV;
- Hình thức kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ căn cứ theo khoản 1 và khoản 2 của điều này.
- Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học.

b). Quy định mỗi một môn học, mô-đun, HSSV có 01 (một) điểm kiểm tra thường xuyên và 01 (một) điểm kiểm tra định kỳ; Giảng viên có thể tổ chức kiểm tra thường xuyên và định kỳ nhiều lần/một môn học, môn đun. Ngay khi kết thúc môn học, môn đun giảng viên chịu trách nhiệm tổng hợp số điểm, công bố cho HSSV và nộp về các Khoa chuyên môn: 01 (một) điểm kiểm tra thường xuyên, và 01 (một) điểm kiểm tra định kỳ chính thức.

4. HSSV phải tham dự đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ; Điểm trung bình chung kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ phải lớn hơn hoặc bằng (\geq) 5 điểm. Trường hợp điểm kiểm tra dưới 5.0 điểm (<5 điểm) thì được giảng viên giảng dạy bố trí kiểm tra bổ sung.

5. Điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

$$\overline{Đ}_{TBC} = \frac{KT_{TX} + (KT_{ĐK} \times 2)}{3}$$

$\overline{Đ}_{TBC}$: Điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ

KT_{TX} : Điểm kiểm tra thường xuyên

$KT_{ĐK}$: Điểm kiểm tra định kỳ

Ví dụ: $KT_{TX} = 4.0$; $KT_{ĐK} = 6.0$

$$Đ_{TBC} = \frac{4 + (6 \times 2)}{3} = 5,3 = ĐẠT$$

6. Điểm trung bình chung kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ có trọng số 0,4. ($Đ_{TBC} \times 0.4$)

Mục 2 **THI KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN**

Điều 5. Tổ chức thi, kết thúc môn học, mô đun

1. Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện tại trường, phân hiệu, địa điểm đào tạo của trường; đơn vị liên kết đào tạo hoặc tại doanh nghiệp; được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến khi đáp ứng được các điều kiện cho việc tổ chức thi;

2. Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện một lần hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học, mô-đun hoặc cuối mỗi học kỳ;

3. Lịch thi kết thúc môn học, mô-đun của kỳ thi chính sẽ được văn phòng Khoa thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần; Từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một HSSV;

4. Danh sách HSSV đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do; danh sách địa điểm thi phải được công bố công khai trước ngày thi ít nhất 3 ngày làm việc;

5. HSSV tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi;

6. Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

7. Thời gian làm bài thi đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian thi với các môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo hoặc thời gian thi trực tuyến do các khoa chuyên môn đề xuất trình Hiệu trưởng quyết định;

8. Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi bố trí ít nhất hai cán bộ coi thi và không bố trí quá 50 người dự thi; SV phải được bố trí theo số báo danh. Đối với hình thức thi khác, Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm đề xuất trình Hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi và các nội dung liên quan khác;

9. Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin. Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm đề xuất trình Hiệu trưởng quy định cụ thể về hình thức và quy trình tổ chức thi nhằm bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của SV và chống được gian lận trong quá trình thi. Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

Điều 6. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun

1. Điều kiện dự thi, kết thúc môn học, mô-đun:

a) SV được dự thi kết thúc môn học, mô-đun phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

b) Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

c) SV có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được Hội đồng Khoa xem xét và trình Hiệu trưởng quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải đảm bảo điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

2. Số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun:

a) Sau khi học xong môn học, mô-đun, SV đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được dự thi kết thúc môn học, mô-đun. Nếu SV chưa dự thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất vì lý do chính đáng thì được bố trí tham dự ở lần thi tiếp theo. SV có điểm thi lần thứ nhất thuộc loại chưa đạt được thi lại tối đa 01 lần;

b) SV vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần thi và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó và phải tham gia kỳ thi lại. Số lần thi lại tối đa 01 lần.

Điều 7. Học lại và thi lại

1. HSSV phải học và thi lại môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không đủ điều kiện dự thi (Điều 7);
- Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun (đã thi 2 lần) nhưng điểm môn học, mô-đun chưa thuộc loại đạt;

2. HSSV thuộc diện phải học và thi lại không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của môn học, mô-đun lần học trước đó (không được giữ lại điểm kiểm tra quá trình thường xuyên và định kỳ), và phải bảo đảm các điều kiện dự thi được quy định tại khoản 1 Điều 7 nêu trên;

3. Trường hợp không còn môn học, mô-đun do điều chỉnh chương trình thì các khoa chuyên môn chỉ trách nhiệm đề xuất hiệu trưởng quyết định chọn môn học, mô-đun khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của ngành, nghề đào tạo.

Điều 8. Ra đề thi, chấm thi kết thúc môn học, mô-đun

1. Đề thi:

a). Nội dung Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học, mô-đun đã được quy định trong chương trình đào tạo; được tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi và được các Trưởng khoa ký duyệt trước khi thi.

b). Đối với hình thức thi trực tuyến hoặc bằng các phần mềm chuyên biệt, được hiệu trưởng ký ban hành quy định và hướng dẫn cụ thể về cách thức xây dựng hoặc lựa chọn đề thi;

c). Khi biên soạn nội dung đề thi cần chú ý các điểm sau đây:

- Đề thi phải rõ ràng và phải đánh số trang (trang số/ tổng số trang);
- Sau khi biên soạn xong phải sử dụng mật mã (password) để bảo mật đề thi.

3. Chấm thi:

a). Mỗi bài thi kết thúc môn học, mô-đun phải do ít nhất 02 giảng viên chấm thi, cho điểm độc lập nhau và phải ký đầy đủ vào bài thi, phiếu chấm điểm, bảng điểm tổng hợp của HSSV dự thi; bài thi viết tự luận, trắc nghiệm phải được làm phách trước khi chấm, và việc chấm thi vấn đáp, thực hành phải thực hiện trên phiếu chấm thi do tổ bộ môn xây dựng trình trưởng khoa xét duyệt theo đặc thù của từng môn học, môn đụn cụ thể;

b). Điểm của bài thi là trung bình cộng điểm của các giảng viên chấm thi; trường hợp điểm của các giảng viên chấm thi đối với một bài thi có sự chênh lệch từ 1,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 thì phải xem xét hoặc chấm lại; nếu chấm thi lại mà chưa thống nhất được điểm thì trưởng khoa hoặc trưởng bộ môn xem xét, giải quyết và là người quyết định cuối cùng về điểm bài thi;

c). Bài thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến: bài thi được chấm thông qua máy, phần mềm chuyên biệt và việc chấm phúc khảo bài được hiệu trưởng ký ban hành quy định và hướng dẫn cụ thể việc tổ chức thực hiện;

3. Công bố điểm thi:

a). Điểm thi, kiểm tra theo hình thức vấn đáp, thực hành, thực tập hoặc bảo vệ báo cáo thực tập được giám khảo công bố cho HSSV biết sau khi chấm;

b). Đối với các hình thức thi, kiểm tra khác được công bố cho HSSV biết chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi (ngày thi của môn thi cuối cùng của kỳ thi).

Điều 9. Điểm thi kết thúc môn học, mô đụn

1. Điểm thi thúc môn học, mô đụn phải ≥ 5 điểm;

2. Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6 ($\text{Đ}_{\text{KT}} \times 0.6$).

Điều 10. Điểm tổng kết môn học, mô đụn

1. Cách tính điểm tổng kết môn học:

Điểm Tổng kết môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô - đụn có trọng số 0,6.

$$\text{Đ}_{\text{TKM}} = (\text{Đ}_{\text{TBC}} \times 0.4) + (\text{Đ}_{\text{KT}} \times 0.6)$$

Trong đó:

- Đ_{TKM} : Điểm tổng kết môn học, môn đụn

- Đ_{TBC} : Điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ

- Đ_{KT} : Điểm kiểm tra kết thúc môn học, môn đụn.

2. Điểm tổng kết môn học, môn đụn được tính tròn đến một chữ số thập phân.

$$\text{VD: } \text{Đ}_{\text{TKM}} = (5.3 \times 0.4) + (7 \times 0.6) = 2,1 + 4,2 = \mathbf{6.3}$$

Điều 11: Điểm trung bình học kỳ, năm học, khóa học

1. Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- + A: là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học;
- + i: là số thứ tự môn học, mô-đun;
- + a_i: là điểm của môn học, mô-đun thứ i;
- + n_i: là số tín chỉ của môn học, mô-đun thứ i;
- + n: là tổng số môn học, mô-đun trong học kỳ/năm học/khóa học.

2. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học bao gồm cả điểm môn học, mô-đun được bảo lưu, môn học, mô-đun được miễn trừ và không bao gồm điểm môn học điều kiện.

3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học, mô-đun có điểm cao nhất.

4. Môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và An ninh là 02 (hai) môn học điều kiện; kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

Điều 12. Xếp loại kết quả học tập

1. Sau mỗi học kỳ hoặc năm học, HSSV được xếp loại về học lực căn cứ vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học theo thang điểm 10, như sau:

- a). Loại xuất sắc: từ 9,0 đến 10 điểm;
- b). Loại giỏi: từ 8,0 đến 8,9 điểm;
- c). Loại khá: từ 7,0 đến 7,9 điểm;
- d). Loại trung bình: từ 5,0 đến 6,9 điểm;
- d). Loại yếu: dưới 5,0.

2. HSSV có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a). Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ hoặc năm học được xếp loại kết quả học tập;
- b). Có 01 môn học hoặc một mô-đun trong học kỳ, năm học phải thi lại đối với loại xuất sắc; có 02 môn học, mô-đun trở lên trong học kỳ, năm học phải thi lại đối với

loại giỏi (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ).

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính để xếp loại.

Mục 3

TỔ CHỨC THI TỐT NGHIỆP - BẢO VỆ CHUYÊN ĐỀ, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Điều 13. Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

1. Kế hoạch thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được Phòng Đào tạo và các khoa chuyên môn thống nhất xây dựng và công bố công khai trước kỳ thi tốt nghiệp ít nhất là 04 tuần.

2. Nội dung, thời gian và hình thức tổ chức thi tốt nghiệp:

a). Nội dung thi tốt nghiệp gồm: Môn thi Lý thuyết chuyên môn và môn thi Thực hành;

b). Thi môn Lý thuyết chuyên môn được tổ chức theo hình thức thi viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm; thời gian thi viết hoặc trắc nghiệm không quá 180 phút, thi vấn đáp không quá 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời cho 1 thí sinh, được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

c). Thi môn Thực hành được tổ chức theo hình thức làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một phần của sản phẩm hoặc một sản phẩm dịch vụ, công việc. Thời gian thi cụ thể đối với từng ngành, nghề do hiệu trưởng quyết định đảm bảo phù hợp với đặc thù của ngành, nghề đào tạo.

d). Thi Thực hành bằng hình thức trực tuyến được áp dụng đối với những ngành, nghề thuộc lĩnh vực Nghệ thuật; Nhân văn; Báo chí thông tin; Kinh doanh, quản lý; Pháp luật; Dịch vụ xã hội hoặc các ngành nghề trong các lĩnh vực khác khi bảo đảm các yêu cầu. Ngành nghề thi tốt nghiệp không có yêu cầu bắt buộc về thiết bị, nguyên vật liệu thực hành hoặc ngành, nghề có các thiết bị, nguyên liệu thực hành có thể thay thế phù hợp với điều kiện thi trực tuyến; ngành, nghề có phần mềm thi, đánh giá chuyên biệt; đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ quá trình thi.

đ). Hiệu trưởng quy định và hướng dẫn cụ thể về hình thức và quy trình tổ chức thi trực tuyến nhằm bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và chống được gian lận trong quá trình thi. Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định. Hình thức thi trực tuyến phải được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng thi tốt nghiệp và người học.

e). Trường hợp được tổ chức theo hình thức bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ cao đẳng có kết quả học tập đạt loại khá, giỏi trở lên. Tùy theo điều kiện của từng ngành nghề được các Khoa chuyên môn lập kế hoạch cụ thể, đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt và thực hiện.

3. Hội đồng thi tốt nghiệp:

a). Hội đồng thi tốt nghiệp do Phòng đào tạo trình hiệu trưởng ra quyết định thành lập, có ít nhất 5 người gồm:

- Chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo;
- Phó chủ tịch hội đồng là phó hiệu trưởng hoặc trưởng phòng đào tạo;
- Thư ký hội đồng và các ủy viên là cán bộ, giảng viên của trường, đại diện doanh nghiệp có cùng chuyên môn hoặc có chuyên môn gần với ngành, nghề tổ chức thi;
- Cán bộ, nhân viên, giảng viên của trường có HSSV dự thi tốt nghiệp là người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) thì không được tham gia hội đồng và không được thực hiện nhiệm vụ trong các ban hoặc tiểu ban ra đề thi, coi thi, chấm thi liên quan đến HSSV đó;

b). Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp:

- Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp chịu trách nhiệm quy định cụ thể và chỉ đạo toàn bộ các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;
- Chủ tịch hội đồng ra quyết định thành lập các ban giúp việc hội đồng, bao gồm: Ban thư ký; Ban ban đề thi; Ban coi thi; Ban chấm thi. Ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. Ngoài ra, chủ tịch hội đồng có thể ra quyết định thành lập các ban giúp việc khác theo yêu cầu của kỳ thi;

c). Ban giúp việc hội đồng thi tốt nghiệp:

- Thành phần của 1 (một) ban giúp việc gồm có: Trưởng ban và ủy viên, trong đó trưởng ban do 1 (một) thành viên trong hội đồng thi tốt nghiệp kiêm nhiệm, các ủy viên khác không bắt buộc phải là thành viên hội đồng;
- Mỗi ban giúp việc có thể được tổ chức thành các tiểu ban, thành phần của mỗi tiểu ban gồm có trưởng tiểu ban và ủy viên;
- Các thành viên của ban đề thi, ban chấm thi, ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp là giảng viên đủ tiêu chuẩn về nhà giáo trong giáo dục nghề nghiệp hoặc các chuyên gia của các doanh nghiệp đã tốt nghiệp đại học về ngành, nghề đào tạo phù hợp với nội dung thi, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

d). Nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng thi tốt nghiệp:

- Tổ chức xét và trình hiệu trưởng xem xét, quyết định danh sách HSSV đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự thi, dự bảo vệ chuyên đề khóa luận tốt nghiệp;
- Tổ chức, điều hành toàn bộ hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;
- Xây dựng, trình hiệu trưởng quyết định và công bố nội quy thi, quy trình chấm thi, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, chấm phúc khảo và xử lý điểm sau phúc khảo; xây dựng đề cương ôn tập thi tốt nghiệp, đề thi và các tài liệu khác liên quan đến kỳ thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp trình hiệu trưởng phê duyệt;
- Bảo mật đề thi;
- Tổ chức công tác coi thi, kiểm tra giám sát thi, chấm thi, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, chấm phúc khảo; xử lý hoặc đề xuất với hiệu trưởng xử lý các trường hợp vi phạm nội quy thi, giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ thi;
- Xét điều kiện tốt nghiệp cho HSSV;

- Trình hiệu trưởng xem xét, quyết định danh sách HSSV đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp;

- Báo cáo hiệu trưởng các vấn đề liên quan đến kỳ thi và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác liên quan đến việc tổ chức kỳ thi theo quy định của pháp luật.

4. Ra đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp:

a). Đề thi phải phù hợp với đề cương ôn thi, mỗi môn thi phải có một bộ đề thi chính và ít nhất một bộ đề thi dự bị tương đương về nội dung kiến thức và có cùng thời gian làm bài thi đối với môn lý thuyết chuyên môn;

b). Đề thi theo hình thức trực tuyến phải đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu như đối với hình thức thi trực tiếp và tương đương về nội dung;

c). Điểm đáp án của đề thi theo hình thức thi viết, thực hành được chia nhỏ theo ý không quá 0,25 điểm theo thang điểm 10; trong đó, nếu điểm toàn bài thi có điểm lẻ là 0,25 thì quy tròn thành 0,5; có điểm lẻ là 0,75 thì quy tròn thành 1,0;

Điều 14. Điều kiện dự thi và số lần dự thi tốt nghiệp

1. Điều kiện dự thi tốt nghiệp:

a). Điểm tổng kết các môn học, mô-đun trong chương trình đạt yêu cầu trở lên (≥ 5);

b). Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c). Còn số lần dự thi và trong quỹ thời gian được dự thi tốt nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này;

d). HSSV không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu vẫn còn quỹ thời gian để hoàn thành các môn học, mô-đun trong chương trình theo quy định thì các khoa chuyên môn đề xuất trình hiệu trưởng xem xét, cho phép HSSV được hoàn thành các môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu và tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;

đ). HSSV không đủ điều kiện dự thi do bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học, thì được hội đồng thi tốt nghiệp tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;

f). Trường hợp HSSV có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhà trường phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện dự thi tốt nghiệp cho HSSV đó.

2. Số lần dự thi tốt nghiệp

a). HSSV dự thi có môn thi tốt nghiệp điểm đạt không được thi cải thiện điểm;

b). Nếu dưới 5,0 điểm thì được dự thi lại môn thi đó, nhưng không quá 03 lần trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo quy định;

c). Thi lại lần thứ nhất cho HSSV có môn thi tốt nghiệp chưa đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu 30 ngày làm việc kể từ ngày trường công bố kết quả thi tốt nghiệp; thời gian thi tốt nghiệp và thi lại tốt nghiệp đã được công bố theo các đợt thi định kỳ hàng năm do Phòng Đào tạo đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt;

d). HSSV vắng mặt ở môn thi nào nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 và vẫn tính số lần dự thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì được bố trí dự thi môn thi đó ở kỳ thi tốt nghiệp khác và chưa tính số lần dự thi, đồng thời, phải bảo đảm trong quỹ thời gian tối đa cho phép để hoàn thành chương trình theo quy định.

đ). HSSV được miễn thi tốt nghiệp đối với môn thi trong trường hợp đã tham dự thi và được công nhận kết quả thi đạt yêu cầu đối với môn thi đó ở ngành, nghề và trình độ tương đương.

Điều 15. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

1. Khối lượng của chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không quá 5 tín chỉ trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Khoa chuyên môn căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên, năng lực của đội ngũ giảng viên đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định những sinh viên được làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

3. Phân công hướng dẫn và duyệt chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp:

a). Khoa chuyên môn lập danh sách đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt quyết định phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

b). Giảng viên hướng dẫn cùng với sinh viên xác định chuyên đề, khóa luận và gửi về khoa chuyên môn; việc duyệt chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên do Hội đồng Khoa thực hiện và báo cáo kết quả cho hiệu trưởng.

4. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đủ tiêu chuẩn được bảo vệ:

a). Hình thức do Hội đồng Khoa đề xuất, trình hiệu trưởng xét duyệt.

b). Nội dung:

- Được giảng viên hướng dẫn xác nhận bằng văn bản bảo đảm nội dung đạt yêu cầu và đề nghị cho bảo vệ;

- Nếu nội dung không đạt yêu cầu, giảng viên hướng dẫn cần đề nghị Hội đồng khoa gia hạn cho sinh viên hoặc cho đề nghị sinh viên chuyển sang dự thi tốt nghiệp (nếu kịp thời gian ôn tập và thi);

c). Văn bản đề nghị cho sinh viên bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của giảng viên hướng dẫn và toàn văn chuyên đề, khóa luận nộp về khoa chuyên môn trước khi bảo vệ 15 ngày; chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được giao cho ban chấm trước khi bảo vệ ít nhất 10 ngày.

d). Kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được công bố ngay sau buổi bảo vệ. Hiệu trưởng quy định việc bảo vệ lại hoặc cho người học chuyển sang thi tốt nghiệp đối với các trường hợp bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không đạt yêu cầu.

5. Chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp:

a). Ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp có từ 3 đến 5 thành viên gồm: trưởng ban, thư ký và các ủy viên.

b). Ban chấm chỉ họp khi có mặt từ 3 thành viên trở lên; trưởng ban và thư ký không được vắng mặt.

c). Ban chấm cho điểm bằng hình thức bỏ phiếu kín; điểm trung bình cộng của các thành viên là điểm chính thức của chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (điểm lẻ lấy 1 chữ số của phần thập phân, nếu chữ số thứ 2 của phần thập phân từ 6 trở lên thì làm tròn để tăng thêm 1 cho chữ số thứ nhất); VD: 7,16 = 7,2.

d). Biên bản chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được lưu giữ như với biên bản chấm thi và được lưu hồ sơ theo quy định.

Điều 16. Điều kiện tốt nghiệp

1. HSSV được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

a). Điểm của mỗi môn thi tốt nghiệp phải đạt từ 5,0 trở lên hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp có điểm đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

b). Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c). Hoàn thành các điều kiện khác theo quy định của trường;

2. Trường hợp HSSV có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hội đồng tốt nghiệp tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho HSSV đó.

3. Trường hợp HSSV bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hội đồng tốt nghiệp tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

4. Chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thi tốt nghiệp hoặc kết thúc ngày bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, hội đồng xét tốt nghiệp tổ chức xét tốt nghiệp cho HSSV. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày xét tốt nghiệp cho HSSV, hội đồng xét tốt nghiệp danh sách HSSV có đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.

5. Trên cơ sở đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày đề nghị, hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp HSSV học đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 17. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp

1. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp đối với thi tốt nghiệp được tính theo công thức:

$$Đ_{TN} = \frac{3.Đ_{TB} + 2.Đ_{TNTH} + Đ_{TNLT}}{6}$$

Trong đó:

+ $Đ_{TN}$: điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp

+ $Đ_{TB}$: điểm trung bình chung toàn khóa học

+ $Đ_{TNTH}$: điểm thi môn Thực hành nghề nghiệp

+ D_{TNLT} : điểm thi môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp

2. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp đối với bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được tính theo công thức sau:

$$D_{TN} = \frac{3 \cdot D_{TB} + 2 \cdot D_{CD}}{5}$$

Trong đó: D_{CD} : điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

3. Xếp loại tốt nghiệp của HSSV được căn cứ vào điểm xếp loại tốt nghiệp và tính theo thang điểm 10 như sau:

- a). Loại xuất sắc: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 9,0 đến 10;
- b). Loại giỏi: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 8,0 đến 8,9;
- c). Loại khá: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 7,0 đến 7,9;
- d). Loại trung bình: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 5,0 đến 6,9.

4. HSSV có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên không có môn thi tốt nghiệp nào phải thi lại hoặc không phải bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc 01 (một) trong các trường hợp sau:

a). Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc; 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi (không tính môn học, mô-đun điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ);

b). Có khối lượng học tập phải học lại quá 10% thời lượng của chương trình;

c). Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên (không tính mức kỷ luật được quy định về vi phạm kiểm tra, thi) trong thời gian học tập tại trường.

5. HSSV phải thi lại tốt nghiệp hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp thi xếp loại tốt nghiệp như sau:

a). Có 01 môn thi tốt nghiệp phải thi lại hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp một lần thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là loại khá;

b). HSSV phải thi tốt nghiệp lại hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp từ 02 lần trở lên thì xếp loại tốt nghiệp trung bình.

Điều 18. Bằng tốt nghiệp, bằng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập

1. Bằng tốt nghiệp, bằng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập:

a). HSSV được công nhận tốt nghiệp thì được hiệu trưởng cấp bằng tốt nghiệp. Mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng được quy định tại Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b). Bằng điểm theo từng môn học, mô-đun của toàn khóa học được cấp cho HSSV kèm theo bằng tốt nghiệp. Trong đó ghi rõ ngành, nghề đào tạo, hình thức đào tạo; kết quả và lý do môn học, mô-đun được miễn trừ, bảo lưu điểm; điểm thi tốt nghiệp hoặc

điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, xếp loại tốt nghiệp, khen thưởng và kỷ luật, lý do hạ mức xếp loại tốt nghiệp (nếu có):

c). HSSV chưa được công nhận tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học, mô-đun đã học trong chương trình của trường, trong đó được ghi rõ hình thức đào tạo và lý do HSSV chưa được công nhận tốt nghiệp.

2. Điều kiện về ngoại ngữ để nhận bằng tốt nghiệp:

a). Sinh viên đạt 1 (một) trong các điều kiện về Tiếng Anh như sau:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học chuyên ngành Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác ở các trường Cao đẳng, Đại học.

- Có chứng chỉ APTIS 4 kỹ năng (do Hội đồng Anh cấp) và có kết quả tương thích với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam từ A2 trở lên.

CEFR	Listening	Reading	Writing	Speaking
A2	16	16	16	16

- Có các chứng chỉ TOEIC, TOEFL Paper, TOEFL CBT, TOEFL IBT, IELTS có điểm lớn hơn hoặc bằng các mức thang điểm được quy định như sau:

Khung 6 bậc VN	CEFR	TOEIC	TOEFL Paper	TOEFL CBT	TOEFL IBT	IELTS
Bậc 2	A2	≥ 380	≥ 400	≥ 126	≥ 43	≥ 3.0

- Có chứng chỉ ngoại ngữ khác (Nga, Pháp, Đức ...) được quy đổi như sau:

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ
1	Tiếng Nga	TRKI cấp độ 1	2	Tiếng Pháp	DELF A2
3	Tiếng Đức	ZD cấp độ 1			TCF niveau 2
		CEFR A2	4	Tiếng Trung	HSK cấp độ 3
5	Tiếng Nhật	Cấp 3 hoặc N4	6	Tiếng Hàn	TOPIK trung cấp 1
7	Tiếng Ý	PLIDA cấp A2	8	Tiếng Tây Ban Nha	DELE cấp B1

b). HSSV các ngành trình độ cao đẳng nộp chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định sau đây trong thời hạn kể từ ngày HSSV nhập học chính thức cho đến chậm nhất là 10 ngày (làm việc) kể từ ngày kết thúc thi môn thi tốt nghiệp cuối cùng mà HSSV đó tham dự. Nếu vượt quá thời gian nêu trên, nhà trường sẽ không chịu trách nhiệm về việc cấp phát bằng đúng thời hạn cho HSSV.

c). Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm cấp bằng tốt nghiệp cho HSSV đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày HSSV kết thúc thi môn thi tốt nghiệp cuối cùng.

Chương 3 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế tổ chức kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn gồm 03 chương, 19 Điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ tháng 5/2022 trở về sau.
2. Quy chế này là cơ sở cho việc tổ chức kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp của Trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn. Phòng Đào tạo, các khoa chuyên môn, giảng viên, học sinh, sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quy chế này.



Ngô Thị Quỳnh xuân